

政府

越南社會主義共和國
獨立-自由-幸福

編號：49/2025/ND-CP

河內，2025 年 02 月 28 日

議定

規定有關適用暫緩出境門檻

根據 2015 年 6 月 19 日政府組織法；2019 年 11 月 22 日修改、補充政府組織法及地方政權組織法若干條款；

根據 2019 年 6 月 13 日稅務管理法；

根據 2024 年 11 月 29 日修改、補充證券法，會計法，獨立審計法，國家預算法，管理、使用公共財產法，稅務管理法、個人所得稅法，國家儲備法、行政違反處理法；

根據財政部部長的建議；

政府頒佈議定規定有關適用暫緩出境門檻。

第一條 調整範圍

本議定規定有關適用欠稅門檻及欠稅時間予被暫緩出境情況；有關通知適用暫緩出境及取消暫緩出境措施。

第二條 適用對象

1. 個人經營、經營戶、個人為企業代表人、合作社、合作社聯盟屬於被強制執行稅務管理行政決定；不在已登記活動地址運營的個人經營、經營戶、個人為企業代表人、合作社、合作社聯盟；越南人出境外國定居，越南人在國外定居，外國人在從越南出境前有欠稅及其他收入屬於由稅務管理機構稅收管理的國家預算。
2. 稅務管理機構、政府機構及其他與本議定相關組織履行本議定。

第三條 被暫緩出境情況適用的欠稅額門檻及欠稅時間

1. 個人經營、經營戶屬於被強制執行有關稅務管理行政決定的欠稅金額從五千萬以上及尚欠的稅金繳納期限根據規定已超過 120 天。
2. 個人為企業代表人、合作社、合作社聯盟屬於被強制執行有關稅務管理行政決定的欠稅金額從五億以上及尚欠的稅金繳納期限根據規定已超過 120 天。

3. 不在已登記活動地址運營的個人經營、經營戶、個人為企業代表人、合作社、合作社聯盟欠稅金額超過規定繳納的期限，並自稅務管理機構通知將適用暫緩出境措施日起 30 天時間內而仍不完成稅務義務。
4. 越南人出境外國定居，越南人在國外定居，外國人在從越南出境前欠稅金額超過規定繳納期限而尚未完成繳稅義務。

第四條 暫緩出境或取消暫緩出境的通知

1. 根據稅務管理法第 124 條規定屬於被強制執行稅務管理行政決定的納稅者，直接管理納稅者的稅務管理機構立即通知個人本議定第 3 條第 1 款機第 2 款規定有關通過納稅者電子稅務交易帳戶以電子形式適用延緩出境措施。如無法以電子方式發送通知，則稅務管理機構在稅務管理機構電子資訊網站上通知。
2. 對於本議定第 3 條第 3 款規定的納稅者，直接管理納稅者的稅務管理機構在稅務管理機構電子資訊網站上頒佈有關納稅者不在已登記活動地址通知日後通知有關將適用暫緩出境措施。
3. 對於本議定第 3 條第 4 款規定的納稅者，有越南人準備出境國外定居、越南人在外國定居、外國人準備出境的資訊時，直接管理納稅者的稅務管理機構通過納稅者電子稅務交易帳戶的電子形式向納稅者發送暫緩出境通知。如無法以電子形式發送通知，則稅務管理機構在稅務管理機構的電子資訊網站上通知。
4. 本議定第 3 條第 1 款、第 2 款、第 3 款規定自向納稅者通知日起 30 天后，將以電子形式適用暫緩出入境措施或在納稅者尚未完成稅務義務的稅務管理機構電子資訊網站上通知，直接管理納稅者的稅務管理機構頒佈有關暫緩出境文件予出入境管理機構，以暫緩出境。

如納稅者已完成納稅義務，則稅務管理機構頒佈取消暫緩出境通知發送給出入境管理機構。出入境管理機構自收到稅務管理機構通知時起 24 小時內取消暫緩出入境。

有關出入境管理機構和稅務管理機構之間的資訊技術應用系統的暫緩出境、取消暫緩出境通知以數位資料傳送發送至出入境管理機構。如不以電子形式進行，則稅務管理機構以書面發送暫緩出境、取消暫緩出境通知至出入境管理機構。

第五條 執行效力及組織履行

1. 本議定自簽訂頒佈日起有效執行。
2. 各部長、部級機構負責人、政府機構負責人及各企業、組織、經營戶、各相關個人有責任執行本議定。

3. 直屬中央的省市人民委會主席指導當地各機構、單位配合開展履行本議定。

收件處：

- 黨中央書記處；
- 政府總理、各副總理；
- 各部、部級機構、政府機構；
- 人民議會、中央省市級人委會；
- 中央辦公室和黨委；
- 秘書長辦公室；
- 總統辦公室；
- 民族委會和國會委員會；
- 國會辦公室；
- 最高人民法院；
- 最高人民檢察院；
- 國家審計；
- 社會政策銀行；
- 越南開發銀行；
- 越南祖國陣線中央委員會；
- 各團體中央機構；
- 政府辦公室：.....
- 存留：

代表政府
代總理
副總理

Ho Duc Phoc



~ 恒利翻譯，謹供參考 ~

Số: 49/2025/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2025

NGHỊ ĐỊNH
Quy định về ngưỡng áp dụng tạm hoãn xuất cảnh

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quản lý thuế ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định về ngưỡng áp dụng tạm hoãn xuất cảnh.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về áp dụng ngưỡng tiền thuế nợ và thời gian nợ trong các trường hợp bị tạm hoãn xuất cảnh; về việc thông báo áp dụng biện pháp tạm hoãn xuất cảnh và hủy bỏ tạm hoãn xuất cảnh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cá nhân kinh doanh, chủ hộ kinh doanh, cá nhân là người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuộc trường hợp bị cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế; cá nhân kinh doanh, chủ hộ kinh doanh, cá nhân là người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không còn hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký; người Việt Nam xuất cảnh để định cư ở nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước

ngoài, người nước ngoài trước khi xuất cảnh từ Việt Nam có nợ thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước do cơ quan quản lý thuế quản lý thu.

2. Cơ quan quản lý thuế, cơ quan nhà nước và các tổ chức khác có liên quan đến việc thực hiện Nghị định này.

Điều 3. Áp dụng ngưỡng tiền thuế nợ và thời gian nợ trong các trường hợp bị tạm hoãn xuất cảnh

1. Cá nhân kinh doanh, chủ hộ kinh doanh thuộc trường hợp bị cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế có số tiền thuế nợ từ 50 triệu đồng trở lên và số tiền thuế nợ đã quá thời hạn nộp theo quy định trên 120 ngày.

2. Cá nhân là người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuộc trường hợp bị cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế có số tiền thuế nợ từ 500 triệu đồng trở lên và số tiền thuế nợ đã quá thời hạn nộp theo quy định trên 120 ngày.

3. Cá nhân kinh doanh, chủ hộ kinh doanh, cá nhân là người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không còn hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký có số tiền thuế nợ quá thời hạn nộp theo quy định và sau thời gian 30 ngày kể từ ngày cơ quan quản lý thuế thông báo về việc sẽ áp dụng biện pháp tạm hoãn xuất cảnh mà chưa hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế.

4. Người Việt Nam xuất cảnh để định cư ở nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, người nước ngoài trước khi xuất cảnh từ Việt Nam có số tiền thuế nợ quá thời hạn nộp theo quy định mà chưa hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế.

Điều 4. Thông báo về việc tạm hoãn xuất cảnh và hủy bỏ tạm hoãn xuất cảnh

1. Khi người nộp thuế thuộc trường hợp bị cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế theo quy định tại Điều 124 Luật Quản lý thuế, cơ quan quản lý thuế quản lý trực tiếp người nộp thuế thông báo ngay cho cá nhân quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 3 Nghị định này về việc sẽ áp dụng biện pháp tạm hoãn xuất cảnh bằng phương thức điện tử qua tài khoản giao dịch thuế điện tử của người nộp thuế. Trường hợp không gửi được thông báo bằng phương thức điện tử thì cơ quan quản lý thuế thông báo trên trang thông tin điện tử của cơ quan quản lý thuế.

2. Đối với người nộp thuế quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định này, cơ quan quản lý thuế quản lý trực tiếp người nộp thuế thông báo trên trang thông tin

điện tử của cơ quan quản lý thuế về việc sẽ áp dụng biện pháp tạm hoãn xuất cảnh ngay sau khi ban hành Thông báo về việc người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký.

3. Đối với người nộp thuế quy định tại khoản 4 Điều 3 Nghị định này, cơ quan quản lý thuế quản lý trực tiếp người nộp thuế gửi thông báo về việc tạm hoãn xuất cảnh cho người nộp thuế bằng phương thức điện tử qua tài khoản giao dịch thuế điện tử của người nộp thuế ngay khi có thông tin về việc người Việt Nam chuẩn bị xuất cảnh để định cư ở nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, người nước ngoài chuẩn bị xuất cảnh. Trường hợp không gửi được thông báo bằng phương thức điện tử thì cơ quan quản lý thuế thông báo trên trang thông tin điện tử của cơ quan quản lý thuế.

4. Sau 30 ngày kể từ ngày gửi thông báo cho người nộp thuế quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 3 Nghị định này về việc sẽ áp dụng biện pháp tạm hoãn xuất cảnh bằng phương thức điện tử hoặc thông báo trên trang thông tin điện tử của cơ quan quản lý thuế mà người nộp thuế chưa hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế, cơ quan quản lý thuế quản lý trực tiếp người nộp thuế ban hành văn bản về việc tạm hoãn xuất cảnh gửi cơ quan quản lý xuất nhập cảnh để thực hiện tạm hoãn xuất cảnh.

Trường hợp người nộp thuế đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế thì cơ quan quản lý thuế ban hành ngay thông báo hủy bỏ tạm hoãn xuất cảnh gửi cơ quan quản lý xuất nhập cảnh. Cơ quan quản lý xuất nhập cảnh thực hiện việc hủy bỏ tạm hoãn xuất cảnh trong vòng 24 giờ kể từ thời điểm nhận được thông báo của cơ quan quản lý thuế.

Thông báo về việc tạm hoãn xuất cảnh, hủy bỏ tạm hoãn xuất cảnh được gửi đến cơ quan quản lý xuất nhập cảnh bằng việc truyền nhận dữ liệu số giữa hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin của cơ quan quản lý thuế và cơ quan quản lý xuất nhập cảnh. Trường hợp không thực hiện được bằng phương thức điện tử thì cơ quan quản lý thuế gửi thông báo tạm hoãn xuất cảnh, hủy bỏ tạm hoãn xuất cảnh đến cơ quan quản lý xuất nhập cảnh bằng văn bản giấy.

Điều 5. Hiệu lực thi hành và tổ chức thực hiện

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ và các doanh nghiệp, tổ chức, hộ kinh doanh, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chỉ đạo các cơ quan, đơn vị trên địa bàn phối hợp để triển khai thực hiện Nghị định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTT (2b). 110

**TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Hồ Đức Phúc